



## QUẢN TRỊ KÉM CÓ LỢI CHO PHÁT TRIỂN HAY KHÔNG?

**Nguồn:** Sam Wilkin (2011). "Can Bad Governance be Good for Development?", *Survival: Global Politics and Strategy*, Vol. 53, No. 1, pp. 61-76.

**Biên dịch:** Nguyễn Thị Quỳnh | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Việc quản trị tốt vô cùng cần thiết đối với sự phát triển kinh tế cho đến gần đây được xem như lẽ phải thông thường. Ví dụ năm 2002, một nghiên cứu của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) khẳng định rằng "không có sự quản trị tốt, không thể thúc đẩy phát triển."<sup>1</sup> Năm 2004, Robert Guest - biên tập viên khu vực châu Phi của tờ *Economist* viết rằng "hầu hết các cuộc chiến tranh ở châu Phi đều do chính phủ yếu kém...Sự quản trị yếu kém cũng là lí do giải thích tại sao châu Phi lại nghèo như vậy".<sup>2</sup> Thậm chí Milton Friedman, người ủng hộ cho xu hướng tự do hóa thị trường, sau đó cũng tán thành chủ thuyết quản trị tốt: "Tôi đã sai. Hóa ra nền pháp trị có lẽ còn quan trọng đối với phát triển hơn cả tư nhân hóa."<sup>3</sup>

Tuy nhiên, gần đây chủ thuyết này bắt đầu mất dần vị thế. Robert Zoellick, chủ tịch Ngân hàng Thế giới, lập luận trong một bài phát biểu tháng 10 năm 2012 rằng những người làm công tác phát triển nên tiếp thu "các phương pháp tiếp cận chính sách đa dạng", lưu ý rằng "những gì có thể bảo vệ sự phát triển trong bối cảnh này có thể kìm hãm nó trong bối cảnh khác."<sup>4</sup> Tháng 11, các nhà lãnh đạo G20 đã ủng hộ "Đồng thuận Seoul" rằng "không có công thức chung cho sự thành

<sup>1</sup> *Foreign Aid in the National Interest: Promoting Freedom, Security and Opportunity* (Washington DC: USAID, 2002), p. 6.

<sup>2</sup> 'First Get the Basics Right', *Economist*, 15 January 2004, [http://www.economist.com/node/2328624?story\\_id=2328624](http://www.economist.com/node/2328624?story_id=2328624).

<sup>3</sup> Francis Fukuyama, *State Building: Governance and World Order in the Twenty-First Century* (London: Profile Books, 2004), p. 25.

<sup>4</sup> 'Zoellick Seeks Development Reform', *Financial Times*, 29 September 2010, <http://www.ft.com/cms/s/0/0dc96fb4-cbe4-11df-bd28-00144feab49a.html#axzz1807yW3Mr>.

công trong phát triển và các nước đang phát triển phải đi đầu trong việc thiết kế và thực hiện các chiến lược phát triển phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh riêng của họ.”<sup>5</sup>

Nghi ngờ ngày càng gia tăng này một phần bắt nguồn từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. Cho dù nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc là gì thì nó dường như cũng không phải là quản trị tốt, ít nhất là theo cách hiểu thông thường.

“Đồng thuận Bắc Kinh” như mô tả của Joshua Cooper Ramo là sự nghi ngờ về những lợi ích của tư nhân hóa, tự do thương mại và dân chủ đối với phát triển.<sup>6</sup> Tuy nhiên, những sai sót trong chủ thuyết quản trị tốt đã được chứng minh từ lâu, trước khi chúng được nhìn thấy rõ từ trường hợp của Trung Quốc. Trong khi quản trị yếu kém tương quan với sự thất bại trong phát triển (hầu hết các nước nghèo đều được quản trị yếu kém) thì ngược lại, quản trị tốt không tương quan với thành công trong phát triển. Trung Quốc chỉ là một ví dụ rõ ràng và gần đây nhất. Nếu chúng ta sắp xếp danh sách những nước có tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người theo dài hạn từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, thì Ý, nước dân chủ lớn đầu tiên trên danh sách, sẽ xếp thứ 29.<sup>7</sup> Trong số 28 quốc gia và vùng lãnh thổ xếp hạng trước Ý, một số hiện nay là các nền dân chủ, nhưng gần như tất cả là các chế độ độc tài hay các quốc gia độc đảng trong suốt giai đoạn họ nhanh chóng trở nên giàu có. (Thậm chí Ý là một quốc gia đại diện không thuyết phục cho chủ thuyết quản trị tốt). 28 quốc gia và lãnh thổ này bao gồm Đài Loan, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc, Bồ Đào Nha, Rumani, Botswana, Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, và tất nhiên cả Trung Quốc.

Nỗ lực để giải thích những trường hợp này bằng việc sử dụng chủ thuyết quản trị tốt là cực kỳ khó. Người ta có thể diễn dịch lại khái niệm quản trị tốt để bao hàm cả những trường hợp ngoại lệ như chế độ độc tài nhân từ (benevolent dictatorship), nhưng điều này khó có thể chấp nhận được. Hoặc người ta có thể lập luận rằng với sự quản trị tốt, các nước như Trung Quốc và Hàn Quốc có thể đã

---

<sup>5</sup> ‘Seoul Development Consensus for Shared Growth’, Annex 1, G20 Seoul Summit, 2010, [http://media.seoulsummit.kr/contents/dlobo/E3.\\_ANNEX1.pdf](http://media.seoulsummit.kr/contents/dlobo/E3._ANNEX1.pdf).

<sup>6</sup> Joshua Cooper Ramo, *The Beijing Consensus: Notes on the New Physics of Chinese Power* (London: The Foreign Policy Centre, 2004).

<sup>7</sup> Dữ liệu lấy từ Alan Heston, Robert Summers and Bettina Aten, Penn World Table Version 6.3, Center for International Comparisons of Production, Income and Prices, University of Pennsylvania, August 2009, available at [http://pwt.econ.upenn.edu/php\\_site/pwt\\_index.php](http://pwt.econ.upenn.edu/php_site/pwt_index.php). Tốc độ tăng trưởng thu nhập đầu người thực tế được tính trung bình cho các giai đoạn 30 năm từ 1950 đến 2007 cho tất cả các nước và vùng lãnh thổ có dữ liệu nhằm xác định giai đoạn 30 năm nào có tốc độ tăng trưởng thu nhập cao nhất cho từng nước. Kết quả danh sách các nước và tốc độ tăng trưởng thu nhập sau đó được xếp hạng.

phát triển nhanh hơn. Tuy nhiên điều này thách thức tính hợp lí bởi vì những nước này đã đạt được tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người về dài hạn nhanh nhất thế giới.

Ít nhất trong một số trường hợp nhất định, một khả năng khác là quản trị yếu kém đem lại một lợi ích gì đó. Đặc biệt, các tập đoàn đầu sỏ chính trị (oligarchy) theo định hướng phát triển dường như có khả năng định hướng các chính sách và lựa chọn thể chế nhằm thúc đẩy và duy trì quá trình phát triển kinh tế nhanh chóng. Trong các điều kiện nhất định, quản trị kém cho phép các tập đoàn đầu sỏ chính trị theo định hướng phát triển như vậy phát triển mạnh, làm giàu không chỉ cho các chính thể đầu sỏ mà cả toàn bộ xã hội nói chung. Điều này có ý nghĩa to lớn cho việc thiết kế các chương trình viện trợ nước ngoài hiệu quả.

### **Di sản của các thể chế**

Nói chung, thuật ngữ “tập đoàn đầu sỏ chính trị” mô tả tình huống mà ở đó một vài cá nhân có đủ ảnh hưởng để có thể hình thành các chính sách kinh tế, và thực tế là cả các thể chế kinh tế chính trị của một quốc gia, theo hướng mang lại lợi thế cho chính bản thân họ. Vị trí và nguồn gốc của những cá nhân này thay đổi từ nước này sang nước khác. Đầu sỏ chính trị có thể là các chính trị gia, các tướng lĩnh, địa chủ, nhà công nghiệp hoặc kết hợp trong số này. Các đầu sỏ chính trị không tham gia chính phủ một cách chính thức có thể sử dụng các biện pháp hợp pháp hoặc bất hợp pháp để gây ảnh hưởng như tài trợ các chiến dịch chính trị, hỗ trợ chính phủ thông qua các cơ quan truyền thông mà họ kiểm soát, cung cấp việc làm lương cao cho các chính trị gia, quan chức về hưu, hoặc đơn giản là thực hiện hối lộ.

Ý tưởng cho rằng các đầu sỏ chính trị khi sử dụng các phương pháp như vậy có thể thúc đẩy phát triển kinh tế có lẽ gây ngạc nhiên vì những phương pháp này là phản dân chủ. Hơn nữa, đầu sỏ chính trị là nguyên nhân nổi tiếng gây nên tình trạng kém phát triển ở rất nhiều quốc gia. Chẳng hạn, nghiên cứu tiêu biểu về so sánh sự phát triển của Daron Acemoglu, Simon Johnson và James Robinson, vốn gắn lịch sử thuộc địa của các nước với kết quả phát triển kém của các thể chế sau này, có thể được hiểu như một sự lên án nạn đầu sỏ chính trị. Trên những vùng đất mà bệnh tật cướp đi sinh mạng của hàng trăm binh sĩ Anh (hay chính những người định cư), người châu Âu không định cư ở đó mà thay vào đó họ tạo ra hệ thống kinh tế chính trị kiểu “bòn rút” (extractive), chẳng hạn như các đồn điền nô lệ. Sau độc lập, những yếu tố quan trọng của các hệ thống này thường vẫn được duy trì, làm giàu cho tập đoàn đầu sỏ chính trị của các nhà lãnh đạo bản địa trong khi khiến người dân bình thường vẫn mãi nghèo. Một ví dụ nổi bật có thể được tìm

thấy ở vùng Caribê, nơi các chủ đồn điền bản địa phản đối việc bãi bỏ chế độ nô lệ sau khi đất nước họ giành được độc lập.<sup>8</sup>

Đầu số chính trị trong những hệ thống như vậy có xu hướng thể hiện sự sẵn sàng phản đối ngay cả những yếu tố cơ bản nhất của tiến bộ kinh tế. Trong suốt thế kỉ 19 ở Nga, tầng lớp quý tộc địa chủ đã phản đối công nghiệp hóa, bao gồm cả việc xây dựng các tuyến đường sắt, do biết rằng điều này sẽ làm suy yếu chế độ phong kiến vốn mang lại của cải và quyền lực cho họ. Sự độc lập của Mexico có thể là do tầng lớp người Creole bản địa (tức người gốc Tây Ban Nha được sinh ra tại Mexico - NHD) khát khao bảo vệ Mexico khỏi quá trình tự do hóa đang diễn ra lúc đó ở Tây Ban Nha.<sup>9</sup> Tại Pakistan, chính quyền thực dân Anh vốn muốn giữ gìn trật tự đã giao quyền lực vào tay tầng lớp địa chủ phong kiến một cách có chủ ý. Sau khi độc lập, những địa chủ này lo sợ sức mạnh của những người nông dân có học nên đã phản đối ngay cả giáo dục cơ bản. Điều này có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của Pakistan, tuy nhiên nhiều địa chủ không có bất kì dấu hiệu ăn năn nào. Như Mumtaz Bhutto, thành viên của một gia đình địa chủ ở Pakistan, nơi sinh ra hai vị thủ tướng, đã nhận xét: "Pakistan là đất nước của những địa chủ. Tôi xuất thân từ một gia đình phong kiến và không thấy xấu hổ vì điều đó. Trừ khi họ có thể xóa bỏ nông nghiệp và công nghiệp hóa hoàn toàn Pakistan, thì mọi người ở đây vẫn sẽ cần tôi".<sup>10</sup>

## Những người Nga mới

Trường hợp đầu số chính trị nổi tiếng nhất những năm gần đây chắc chắn là nước Nga hậu cộng sản. Sự ra đời của nền dân chủ và tư nhân hóa sâu rộng được mong đợi là sẽ phát huy tiềm năng kinh tế của Nga. Tuy nhiên, trong suốt những năm 1990, nền kinh tế Nga co lại gần 50%, và tuổi thọ trung bình của người Nga giảm từ 69 tuổi xuống còn 65 tuổi.<sup>11</sup> Điều này khiến một số người thắc mắc điều gì đã mất đi trong trường hợp của Nga, bởi vì người ta cho rằng nước Nga vẫn sở hữu những động lực truyền thống cho sự phát triển kinh tế như giáo dục và thị trường mở.

---

<sup>8</sup> Daron Acemoglu, Simon Johnson and James A. Robinson, 'The Colonial Origins of Comparative Development: An Empirical Investigation', *American Economic Review*, vol. 91, no. 5, December 2001, pp. 1,369–1,401.

<sup>9</sup> Xem James A. Robinson, 'From Current-Day Russia to Porfirio's Mexico', *Studies in Comparative International Development*, vol. 38, no. 3, Fall 2003, p. 86.

<sup>10</sup> Shada Islam, 'Lords of Misrule', *Far Eastern Economic Review*, 20 May 1999.

<sup>11</sup> World Bank World Development Indicators, <http://databank.worldbank.org/ddp/home.do>.

Thành phần bị mất đi ở đây được cho là nền quản trị tốt. Nền dân chủ mới của Nga không được quản lý chặt chẽ dẫn đến các ông trùm công nghiệp, tài nguyên và truyền thông sử dụng ảnh hưởng chính trị của mình để giành quyền sở hữu các tài sản của nhà nước Nga với giá bèo và mang tài sản ra nước ngoài, chuốc lấy cơn giận dữ của công chúng bởi họ trở nên giàu có trong khi đất nước họ ngày càng nghèo hơn. (Đến năm 2004, Mátxcova có nhiều tỉ phú đô la hơn New York.)<sup>12</sup>

Lúc đầu sự quản trị yếu kém của Nga được xem như một biến cố lịch sử, một sản phẩm phụ của sự sụp đổ chế độ cộng sản đột ngột. Đầu những năm 1990, Chrystia Freeland đã miêu tả hiện tượng này một cách hùng hồn: “Ở một đất nước đầy những quan chức tham nhũng, bảo đảm pháp lí đối với đầu tư yếu kém, và thuế vừa cao một cách không tưởng vừa bị áp đặt một cách tùy tiện, thì chiến thuật của các đầu sỏ chính trị thực sự tạo thành chiến lược kinh doanh hợp lí duy nhất. Tóm lại, dù có vô số tội lỗi, thành phần đầu sỏ chính trị chỉ là một triệu chứng của căn bệnh nước Nga, chứ không phải là bản thân căn bệnh đó.”<sup>13</sup>

Gần đây một số diễn giải đổ lỗi nền quản trị yếu kém của Nga lên đầu các đầu sỏ chính trị. Một lượng nghiên cứu đang phát triển về “chiếm đoạt nhà nước” (state capture) đã khám phá những cách thức mà các đầu sỏ chính trị hình thành môi trường pháp lí, điều tiết và hoạch định chính sách của một quốc gia nhằm đem lại lợi ích cho họ như thế nào.<sup>14</sup> Theo quan điểm này, đầu sỏ chính trị Nga không phải là sản phẩm mà là người tạo ra hệ thống chính trị rối loạn chức năng, phục vụ cho lợi ích thương mại của họ. Các hệ thống đầu sỏ chính trị có xu hướng đặc trưng bởi môi trường kinh doanh bất lợi cho doanh nghiệp nói chung và chỉ thuận lợi cho một vài doanh nghiệp lớn, do đó những doanh nghiệp này ít phải đối mặt với cạnh tranh và tạo ra lợi nhuận cực lớn. Ví dụ, các hệ thống đầu sỏ chính trị có xu hướng kém phát triển lĩnh vực tài chính, một nhược điểm gây trở ngại cho sự phát triển của các công ty nhỏ.<sup>15</sup>

Mẫu hình này đã xuất hiện ở nhiều quốc gia. Chẳng hạn ở Ucraina và Philippines, đầu sỏ chính trị sở hữu các tập đoàn đa ngành. Ở Algeria, những kẻ chủ mưu, mà người địa phương gọi là “mafia-chính trị-tài chính” (mafia-politico-financiere) thu lợi từ việc độc quyền thương mại được chính phủ bảo vệ. Các

---

<sup>12</sup> Paul Klebnikov, ‘The Golden Hundred’, *Forbes*, 22 July 2004, [http://www.forbes.com/2004/07/21/cz\\_pkl\\_0721russianintro.html](http://www.forbes.com/2004/07/21/cz_pkl_0721russianintro.html).

<sup>13</sup> Chrystia Freeland, ‘Not-so-Badfellas’, *New Republic*, 11 April 1994.

<sup>14</sup> Ví dụ, xem Joel Hellman, Geraint Jones and Daniel Kaufmann, ‘Seize the State, Seize the Day: State Capture, Corruption and Influence in Transition’, World Bank Policy Research Working Paper 2444, September 2000.

<sup>15</sup> Raghuram Rajan and Luigi Zingales, *Saving Capitalism from the Capitalists* (New York: Crown Business, 2003).

ngiên cứu về các hiện tượng như vậy cho thấy nhiều trường hợp điều tiết quá mức hoặc điều tiết kém đã được hỗ trợ bởi các tầng lớp doanh nhân tinh hoa của quốc gia nhằm ngăn ngừa cạnh tranh. Tổng thống Nga Vladimir Putin chắc chắn nghĩ theo cách này. Tập trung các đầu sỏ chính trị của nước mình lại với nhau vào năm 2000, ông nói với họ: “Tôi chỉ muốn các anh chú ý tới một điều rằng chính các anh đã hình thành nên nhà nước này, ở một mức độ nào đó là thông qua các cấu trúc chính trị và bán chính trị do các anh kiểm soát. Nên điều mà các anh không nên làm là tự đổ lỗi cho chính mình (tức chỉ trích nhà nước - NHD)”.<sup>16</sup>

### **Những “âm mưu tăng trưởng”**

Ngược lại với các chế độ hậu thuộc địa hay hậu cộng sản, mặc dù chính thể đầu sỏ ở những quốc gia phát triển nhanh cũng phổ biến nhưng rất ít được chú ý. Điều này là dễ hiểu bởi vì chính thể đầu sỏ của các quốc gia thành công về kinh tế thông thường không tỏ ra đang cản trở sự phát triển. Người ta có thể kết luận một cách hợp lí rằng các chính thể đầu sỏ này yếu, gây nên rất ít ảnh hưởng chính trị. Tuy nhiên một khả năng lớn hơn là những hệ thống đầu sỏ chính trị này không yếu, mà sự hiện diện của họ đã hỗ trợ cho phát triển kinh tế.

Lí do các chính thể đầu sỏ có thể đem lại lợi ích cho sự phát triển là bởi họ đưa ra những lựa chọn chính sách nhất quán. Có nhiều nước đang phát triển đã có những đợt tăng trưởng nhanh chóng về thu nhập bình quân theo đầu người – thực tế hơn 130 quốc gia đạt mức tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người hàng năm 6% hoặc hơn trong ít nhất 5 năm trong khoảng thời gian từ 1950 đến 2007.<sup>17</sup> Thử thách không phải là đạt được mức tăng trưởng 6% hoặc hơn trong một vài năm mà là phải làm được điều đó trong nhiều thập kỉ. Điều này tạo ra tỉ lệ phát triển theo cấp số nhân, tăng gấp đôi thu nhập trung bình của dân số khoảng 12 năm một lần. Tốc độ tăng trưởng thu nhập theo cấp số nhân này là điều làm cho một số quốc gia trở nên nổi bật, đó là hiện tượng đã đưa Hàn Quốc từ một nước nghèo đói trở thành thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) trong vòng một thế hệ. Để đạt được điều này đòi hỏi một sự nhất quán đặc biệt, được duy trì bất chấp những thay đổi trong lãnh đạo chính trị, thay đổi điều kiện toàn cầu, hay các một nhất thời về ý thức hệ. Để đạt được sự nhất quán này phải nhờ vào chính thể đầu sỏ. Rất cuộc, có một sự nhất trí rộng rãi cho rằng các chính thể đầu sỏ có thể nắm vững ảnh hưởng đối với việc hoạch định chính sách, và duy trì nó kéo dài trong

<sup>16</sup> Trích trong Hellman, Jones and Kaufmann, ‘Seize the State, Seize the Day’, p. 1.

<sup>17</sup> Như ở trên các con số này dựa trên dữ liệu tăng trưởng thu nhập đầu người thực tế lấy từ Penn World Table Version 6.3.



nhieu thập kỉ. Và ở các quốc gia đang phát triển, một điều được biết đến rộng rãi là có những nhóm vận động hành lang hỗ trợ các chính sách thúc đẩy tăng trưởng. Nếu nhóm vận động hành lang cho cải cách đó trở thành một chính thể đầu sỏ, thì kết quả sẽ là một sự tập trung chính sách kiên định phù hợp với mục đích tăng trưởng. Bởi vì các phương pháp phản dân chủ được sử dụng để phục vụ tiến bộ kinh tế, người ta có thể gọi điều này là một "âm mưu tăng trưởng".

Có lẽ Nhật Bản là ví dụ nổi bật nhất của âm mưu tăng trưởng như vậy. Bên cạnh tốc độ phát triển mạnh, yếu tố khó hiểu nhất của phép màu kinh tế Nhật Bản là sự can thiệp kinh tế sâu rộng của chính phủ, điều đáng lẽ đã gây ra sự thiếu hiệu quả. Tuy nhiên, nếu sự can thiệp của chính phủ Nhật vào nền kinh tế được đạo diễn bởi một chính thể đầu sỏ của các công ty tinh hoa mà nhà nước hoạt động vì lợi ích của họ, thì kết quả có thể được gọi là "sự can thiệp của nhà nước theo hướng thị trường". Trong những trường hợp này, rất khó để xác định nhà nước bắt đầu ở đâu và các công ty kết thúc ở đâu.

Trong nhiều thập kỉ, Nhật Bản về cơ bản là một nền dân chủ độc đảng, do Đảng Dân chủ Tự do cầm quyền. Điều này cho phép chính thể đầu sỏ thương mại sử dụng tối đa ảnh hưởng của mình mà không lo sợ thay đổi chính trị. Thật vậy, theo lời của Chitoshi Yanaga, ảnh hưởng ngầm quá quan trọng đối với hệ thống của Nhật Bản đến nỗi chính sách kinh tế được bàn bạc "ở các phòng trà thường xuyên hơn là ở văn phòng thủ tướng".<sup>18</sup> Một "tam giác sắt" gồm các ngân hàng, tập đoàn, và quan chức thường được hiểu một cách rộng rãi là nơi tập trung quyền lực hoạch định chính sách trên toàn quốc (danh sách này đáng chú ý khi không có mặt các chính trị gia dân cử của Nhật Bản). Các quan chức nghỉ hưu được trao các công việc trong các công ty cao cấp của Nhật, một thực tế phổ biến đến mức có một từ dành riêng cho nó: *amikudari* (từ thiên đường rơi xuống). Vào cuối những năm 1960, một biểu hiện của chính thể đầu sỏ là các cơ quan quản lí cạnh tranh đã miễn hơn 1.079 các-ten khỏi các quy định chống độc quyền.<sup>19</sup> Đây chính là một dấu hiệu kinh điển của "chiếm đoạt nhà nước". Tuy nhiên, thay vì đình trệ kinh tế, Nhật Bản đã đạt được tổng mức tăng trưởng kinh tế (thu nhập) theo đầu người hơn 5.500 % trong 30 năm từ 1946 đến 1976.<sup>20</sup>

---

<sup>18</sup> Chitoshi Yanaga, *Big Business in Japanese Politics* (New Haven, CT: Yale University Press, 1968), p. 33.

<sup>19</sup> Kotaro Suzumura, 'Formal and Informal Measures for Controlling Competition in Japan: Institutional Overview and theoretical Evaluation', in J. David Richardson and Edward M. Graham (eds), *Global Competition Policy* (Washington DC: Peterson Institute for International Economics, 1997), p. 447.

<sup>20</sup> Các con số này dựa trên dữ liệu tăng trưởng thu nhập đầu người thực tế lấy từ Penn World Table Version 6.3.

Điều này là khả dĩ bởi vì chính thể đầu sỏ Nhật theo định hướng tăng trưởng. Họ trông cậy vào thị trường xuất khẩu để phát lên. Thật ra họ có rất ít sự lựa chọn. Những năm sau chiến tranh, chỉ có một vài người thông minh đã trở nên giàu có nhờ bán hàng cho các khách hàng Nhật Bản, ví dụ như Kikumatsu Ogawa, người đã in các cuốn cẩm nang cụm từ tiếng Anh hữu ích để giúp giao tiếp với binh sĩ nước ngoài chiếm đóng (tức lính Mỹ).<sup>21</sup> Tuy nhiên, nhìn chung thị trường xuất khẩu là thị trường duy nhất kiếm được tiền. Bởi vì Nhật có ít tài nguyên, việc đáp ứng nhu cầu của nước ngoài đòi hỏi phải phát triển công nghiệp.

Chính thể đầu sỏ Nhật Bản có tính tư lợi nhưng tính tư lợi của công ty sản xuất theo định hướng xuất khẩu khác với tính tư lợi của công ty tập trung vào thị trường nội địa. Các công ty xuất khẩu phải cạnh tranh trên các thị trường nơi họ không có ảnh hưởng chính trị. Do đó họ phải cạnh tranh trên sân chơi bình đẳng hoặc thực sự hơi bất lợi cho họ. Để làm được điều này họ không chỉ yêu cầu trợ cấp từ chính phủ mà còn cả cơ sở hạ tầng hiện đại, chính sách kinh tế hợp lý và lực lượng lao động được đào tạo tốt. Không có hy vọng lũng đoạn hệ thống kinh tế Mỹ để làm chậm tăng trưởng của đối thủ cạnh tranh, chính thể đầu sỏ Nhật Bản cần chính phủ áp dụng các thể chế, chính sách kinh tế giúp các doanh nghiệp của họ có khả năng cạnh tranh hơn. Họ cần những chính sách không chỉ biến bản thân họ mà cả đất nước trở nên giàu có đúng lúc.

Trong khi chính thể đầu sỏ Nhật Bản tạo ra ảnh hưởng ngầm thì quyền lực của họ trong việc định hình chính sách thông qua vận động hành lang phòng trà và cung cấp chế độ hưu trí thoải mái cho các quan chức là một bí mật ai cũng biết. Hayato Ikeda, thủ tướng Nhật Bản trong giai đoạn 1960-1964 khi tăng trưởng nhanh chóng của đất nước bắt đầu, gọi gọn điều này bằng câu nói "chính phủ là thuyền trưởng và *zaikai* (giới vận động hành lang của các doanh nghiệp) là la bàn của con tàu".<sup>22</sup>

## **Tham nhũng không có hại**

Ít có điều nào hiển nhiên hơn thực tế rằng tham nhũng hết sức có hại cho sự phát triển kinh tế - tuy nhiên từ năm 1960 đến 1990, Hàn Quốc vừa là quốc gia có tỉ lệ tham nhũng cao, lại vừa là quốc gia phát triển nhanh nhất thế giới. Các ca ngợi dành cho lịch sử kinh tế gần đây của Hàn Quốc có xu hướng không đề cập đến việc

<sup>21</sup> Cụm từ đầu tiên trong cuốn sách của Ogawa là "thank you!", và cụm từ thứ hai là "Thank you, awefully!" Xem John Dower, *Embracing Defeat: Japan in the Wake of World War II* (New York: Norton, 1999).

<sup>22</sup> Richard L. Carson, *Comparative Economic Systems, Volume 2, Transition and Capitalist Alternatives*, 2nd ed. (Armonk, NY: M.E. Sharpe, 1990), p. 195.



hai tổng thống Hàn Quốc, vô số đội ngũ nhân viên của tổng thống, các quan chức cấp cao và doanh nhân bị bỏ tù hoặc trục xuất sau những vụ bê bối về tham nhũng.

Những vụ tham nhũng này ít tiêu cực hơn người ta thường nghĩ bởi vì nó là biểu hiện của chính thể đầu sỏ hoạt động hiệu quả chứ không phải là chế độ độc tài kém hiệu quả. Giống như các công ty Nga, các công ty Hàn Quốc có ảnh hưởng lớn thường hào phóng đóng góp cho đảng cầm quyền, Đảng Cộng hòa Dân chủ: từ năm 1971 đến 1975, Hyundai đóng góp 57 triệu đô la, Samsung 60 triệu đô la, LG 52 triệu đô la và Daewoo 37 triệu đô la. (Tất nhiên những con số chỉ phản ánh số tiền đóng góp hợp pháp). Đổi lại, các đầu sỏ chính trị Hàn Quốc có được những ảnh hưởng về chính sách và thực sự trở thành một bộ phận cấu thành của nhà nước Hàn Quốc. Năm 1964, 38% trong tổng số các khoản vay ngân hàng – tương đương với 43% tổng cung tiền M1 của nền kinh tế – đã được trao cho duy nhất 9 tập đoàn công nghiệp (*chaebol*), “tất cả các tập đoàn này đều có các thành viên gia đình nắm các vị trí quyền lực trong đảng cầm quyền hoặc bộ máy hành chính.”<sup>23</sup>

Đây chắc chắn là chủ nghĩa thân hữu. Tuy nhiên, giống như các công ty tiêu biểu của Nhật Bản, các *chaebol* cũng là những nhà xuất khẩu. Để đạt được sự giàu có trong một nước Hàn Quốc hậu chiến bị tàn phá, họ cần phải tiếp cận thị trường nước ngoài. Để làm được điều đó họ cần không chỉ các khoản vay ngân hàng dễ dàng mà cả một môi trường kinh doanh tuyệt vời tại nước nhà, các nhà cung cấp sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, nguồn nhân lực dồi dào, cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển toàn cầu và một mức tỷ giá hối đoái được định giá thấp. Nhà nước Hàn Quốc đáp ứng các nhu cầu đó, chẳng hạn như hỗ trợ một trong những chương trình giáo dục công thành công nhất thế giới. Kết quả của hệ thống này có thể được nhìn thấy trong thực tế hiện nay khi Hyundai, Samsung, LG là những cái tên xuất hiện trong các gia đình ở Châu Âu và Bắc Mỹ.

Phải thừa nhận rằng để đạt được những kết quả này, Hàn Quốc phải trả một cái giá. Hàn Quốc không được quản trị tốt và nền chính trị của đất nước thường mang tính độc tài. Các cuộc biểu tình bạo lực của người dân Hàn Quốc đấu tranh đưa ra các yêu cầu chính trị thường xuyên diễn ra là biểu hiện xã hội của điểm yếu về quản trị này. Hàn Quốc dưới sự cai trị của chính thể đầu sỏ *chaebol* là thiên đường cho việc đầu tư vốn vào sản xuất xuất khẩu chứ không phải cho người lao động hay khách hàng thực sự. Tuy nhiên, đồng thời chính thể đầu sỏ cũng biến thành công kinh tế của Hàn Quốc trở thành hiện thực. Chính thể đầu sỏ, một sản

---

<sup>23</sup> David Kang, ‘Bad Loans to Good Friends: Money Politics and the Developmental State in South Korea’, *International Organisation*, Winter 2002, p. 189.

phẩm của quản trị yếu kém, đã thúc đẩy các lựa chọn thể chế và chính sách nhằm tối đa hóa tăng trưởng một cách nhất quán, bất kể các chu kỳ chính trị, các tư tưởng và nhu cầu của các nhóm lợi ích khác.

## **Tăng cường “âm mưu tăng trưởng”**

Trong những năm gần đây, cộng đồng những người làm công tác phát triển luôn coi các chính thể đầu sỏ nói riêng và quản trị yếu kém nói chung như một tai họa. Đã có rất nhiều đề xuất để đối phó lại chính thể đầu sỏ, nhưng biện pháp thường xuyên được nghe thấy nhất là thay đổi thể chế. Những người đề xuất tin rằng, sự ra đời của nền dân chủ chính trị được điều tiết chặt chẽ sẽ hạn chế khả năng của giới tinh hoa trong việc nắn chính sách theo hướng có lợi cho bản thân họ. Đề xuất này có sức hấp dẫn lớn bởi nó thoả mãn các giả định của phương Tây rằng dân chủ không những có bản chất tốt mà còn đem lại các kết quả tốt.

Tuy nhiên, bằng chứng về hiệu quả của những đề xuất này không rõ ràng. Các dữ liệu lịch sử ghi lại tác động của hỗ trợ phát triển (chính thức) là không khả quan, và nếu có thì những tác động tích cực lâu dài của viện trợ nước ngoài lên thu nhập quốc dân sẽ rất nhỏ hoặc phụ thuộc vào hoàn cảnh. Với những thành công gần đây về việc chống tham nhũng hay các chương trình “xây dựng quốc gia” rất hạn chế, kết quả của viện trợ nước ngoài trong việc cải thiện quản trị có thể còn tồi tệ hơn nữa. Điều này không có gì ngạc nhiên: những quan chức cấp cao nhận ra và phản đối cải cách kinh tế có hại cho lợi ích của họ chắc chắn sẽ phản đối những cải cách chính trị do nước ngoài tài trợ thậm chí còn mạnh mẽ hơn.

Có thể đạt được nhiều lợi ích hơn bằng cách phát triển các chính thể đầu sỏ định hướng tăng trưởng. Chính thể đầu sỏ thường nỗ lực tăng thu nhập của họ, đó là điều xấu xa nhưng cũng là may mắn, bởi vì rõ ràng tiền chính là những gì các nhà viện trợ cung cấp. Mỹ đã tận dụng hết sức chiến lược ngân phiếu (chequebook strategy) như vậy trong chương trình hỗ trợ phát triển sau chiến tranh cho Nhật Bản.<sup>24</sup> Năm 1948, tuyên bố chính sách NSC 13/2 của Hội đồng An ninh Quốc gia đã vứt bỏ những nỗ lực bất thành nhằm cải cách kinh tế, chính trị Nhật Bản theo đường lối của Mỹ và biến việc phục hồi kinh tế Nhật Bản thành mục tiêu hàng đầu của chính sách.<sup>25</sup> Trong thực tế, điều này có nghĩa là phục hồi các tập đoàn công

<sup>24</sup> Phần nói về viện trợ phát triển của Mỹ cho Nhật này dựa trên hai nguồn tham khảo sau: Sayuri Shimizu, *Creating People of Plenty: The United States and Japan's Economic Alternatives, 1950–1960* (Kent, OH: Kent State University Press, 2001); và Aaron Forsberg, *America and the Japanese Miracle: The Cold War Context of Japan's Postwar Economic Revival* (Chapel Hill, NC: University of North Carolina Press, 2000).

<sup>25</sup> Forsberg, *America and the Japanese Miracle*, p. 12.

nghiệp *keiretsu* của Nhật Bản (mà cho tới lúc đó, các nhà quản lý Mỹ đã nỗ lực để giải tán).<sup>26</sup>

Nhằm thực hiện mục đích này, các nhà hoạch định chính sách Mỹ đã tạo ra một chương trình viện trợ không chính thống.<sup>27</sup> Quân đội Mỹ đã trao cho các công ty Nhật Bản các hợp đồng cung cấp và dịch vụ đồn dập, vượt quá 500 triệu đô la mỗi năm. Tổng cộng, những hợp đồng này vượt quá 10 tỷ đô la, lớn hơn nhiều so với 2 tỷ đô la viện trợ thông thường cung cấp cho chính phủ Nhật Bản.<sup>28</sup> Có lẽ số liệu thống kê đáng chú ý nhất là năm 1952, bảy năm sau khi chiến tranh kết thúc, 70% xuất khẩu thương mại của Nhật Bản là các đơn đặt hàng thu mua của quân đội Mỹ.<sup>29</sup> Sau đó Mỹ mở cửa thị trường cho các công ty Nhật Bản. Sự kết hợp không bình thường giữa việc bán cùng hóa trong nước với cơ hội làm giàu từ nước ngoài đã biến chính thể đầu sỏ Nhật thành một tầng lớp theo định hướng xuất khẩu.

Ở Hàn Quốc, các nhà hoạch định chính sách Mỹ cũng lặp lại quy trình này. Từ năm 1965 đến 1972, quân đội Mỹ thu mua từ các công ty Hàn Quốc lên đến 1 tỷ đô la. Năm 1967, khoản chi tiêu này chiếm gần 4% toàn bộ sản lượng kinh tế Hàn Quốc. Giống như các *keiretsu* cao cấp của Nhật Bản, các tập đoàn *chaebol* của Hàn Quốc cũng chạy theo lợi nhuận và trở thành những nhà xuất khẩu. Tỷ trọng của xuất khẩu Hàn Quốc sang Mỹ đã tăng từ 30% năm 1964 lên 37% năm 1996 và 52% vào năm 1968.<sup>30</sup>

Việc mở cửa thị trường cho sản phẩm xuất khẩu của các nước nghèo, mà các nhà vận động “thương mại thay cho viện trợ” thường kêu gọi, là hữu ích nhưng không đủ. Các doanh nghiệp theo định hướng thị trường trong nước chi phối nền kinh tế của nhiều nước nghèo thường là đã khá giàu có và hơn nữa họ luôn cảm thấy an toàn ở vị thế hiện có của họ. Do đó, cải cách nhằm thúc đẩy năng lực cạnh tranh xuất khẩu chứa đựng một yếu tố rủi ro không nhỏ cho những doanh nghiệp đó. Những cơ hội mới mà Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA) mang lại tạo ra ít thay đổi rõ ràng cho cả sự giàu có của các tập đoàn doanh nghiệp (grupos) Mexico lẫn sự thiếu quan tâm của họ trong việc khuyến khích chính phủ cải thiện

---

<sup>26</sup> Sự bất lực của các nhà quản lý Mỹ mà trên lý thuyết có quyền lực vô hạn là một ví dụ khác cho việc các đầu sỏ chính trị có khả năng chống lại các cải cách gây bất lợi cho lợi ích của họ.

<sup>27</sup> Không chính thống chỉ khi chúng ta nhìn lại: Vào thời điểm đó, viện trợ nước ngoài vẫn trong giai đoạn ban đầu và các thể chế cũng như thực tiễn viện trợ phát triển vẫn đang trong giai đoạn hình thành.

<sup>28</sup> Forsberg, *America and the Japanese Miracle*, pp. 13, 14.

<sup>29</sup> William S. Borden, *The Pacific Alliance: United States Foreign Economic Policy and Japanese Trade Recovery, 1947–1955* (Madison, WI: University of Wisconsin Press, 1984), p. 168.

<sup>30</sup> John Lie, *Han Unbound: The Political Economy of South Korea* (Stanford, CA: Stanford University Press, 1998), pp. 64, 65.

môi trường kinh doanh của đất nước. Gần đây nhất là năm 2004, trên bảng xếp hạng nhà nước pháp quyền của Ngân hàng Thế giới, Mexico vẫn còn nằm đâu đó ở phía sau Ghana và Ai Cập.<sup>31</sup>

Điều này đúng ngay cả trên quy mô toàn cầu. Mỗi năm, tạp chí *Forbes* biên soạn một danh sách các cá nhân giàu có nhất thế giới. Gần đây nhất là năm 2007, không có người Hàn Quốc hay Nhật Bản nào đứng trong top 100. Chiến thắng liên tục trên thị trường cạnh tranh là rất khó khăn. Ngược lại, trong danh sách này có 13 người Nga, 8 người Ấn Độ, một số người Ả Rập Xêút, một người Mexico và thậm chí cả một người Ai Cập.<sup>32</sup> Một điều trái với suy nghĩ thông thường là cơ may để trở nên cực giàu lại cao hơn ở một nước nghèo mà vẫn nghèo hơn là ở một nước nghèo mà đã nhanh chóng trở nên giàu có thông qua cạnh tranh khốc liệt.

Điều này làm cho rất khó để thuyết phục các chính thể đầu sỏ rằng cạnh tranh và phát triển kinh tế đều nằm trong lợi ích của họ. Tuy nhiên, những trường hợp của Hàn Quốc và Nhật Bản cho thấy lợi ích của các chính thể đầu sỏ là có thể uốn nắn được nếu có đủ nỗ lực. Ở hai nước này, “các âm mưu tăng trưởng” được nuôi dưỡng thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển dựa trên sự thu mua hàng hóa xuất khẩu. Đây có thể là mô hình hợp lí cho những nơi khác nơi theo, chẳng hạn ở châu Phi, nơi nó có thể giúp nhân rộng các tiến bộ kinh tế to lớn mà một vài quốc gia châu Á đã đạt được. Đặc biệt bởi vì người ta mong đợi hiệu quả của mô hình này là mạnh, thậm chí đặc biệt mạnh, ở những quốc gia quản trị kém, nên đó càng là một khả năng hấp dẫn.

#### **Khái niệm quản trị tốt**

Hầu hết các khái niệm về quản trị đều rất rộng, bao gồm nhiều chương trình nghị sự khác nhau, từ chống tham nhũng đến nhân quyền hay sự truyền bá dân chủ. Đối với Ngân hàng Thế giới, quản trị là “các thể chế và quy trình mà thông qua đó các quyết định được ban hành và thẩm quyền trong một quốc gia được thực hiện.” Đối với Bộ Phát triển Quốc tế Anh, quản trị là “cách mà các thể chế, các quy tắc, các hệ thống của nhà nước – hành pháp, lập pháp, tư pháp và quân đội – hoạt động ở các cấp trung ương và địa phương, và là cách nhà nước gắn liền với công dân, xã hội dân sự và khu vực tư nhân.” Khái niệm của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thì thiên lệch hơn khi nhấn mạnh “khả năng của chính phủ trong việc phát triển một quy trình quản lý công có hiệu quả, hiệu suất cao và trách nhiệm, mà ở

<sup>31</sup> ‘Worldwide Governance Indicators’, World Bank, available at [http://info.worldbank.org/governance/wgi/mc\\_countries.asp](http://info.worldbank.org/governance/wgi/mc_countries.asp).

<sup>32</sup> Luisa Kroll and Allison Fass (eds), ‘The World’s Billionaires’, *Forbes*, 8 March 2007, [http://www.forbes.com/2007/03/07/billionaires-worldsrichest\\_07billionaires\\_cz\\_lk\\_af\\_0308billie\\_land.html](http://www.forbes.com/2007/03/07/billionaires-worldsrichest_07billionaires_cz_lk_af_0308billie_land.html).

đó mọi người dân có thể tham gia và giúp tăng cường chứ không phải làm suy yếu hệ thống dân chủ của chính phủ”.\*

Có lẽ cách đo lường được sử dụng rộng rãi nhất cho quản trị tốt là cách đo lường mà dự án Chỉ số Quản trị Toàn cầu đưa ra.\*\* Dự án này biên soạn và kết hợp các chỉ số về chất lượng quản trị nhà nước từ các nguồn khác nhau bao gồm các tổ chức đa phương, các cơ quan tư vấn rủi ro chính trị, các sáng kiến học thuật và các cuộc thăm dò dư luận toàn cầu. Các chỉ số được chia làm sáu nhóm, mang lại một hướng dẫn hữu ích cho các khía cạnh của chất lượng quản trị như người ta thường cảm nhận, bao gồm: (1) tiếng nói của người dân và trách nhiệm giải trình (bao gồm cả các chỉ số về dân chủ chính trị), (2) ổn định chính trị và không có bạo lực, (3) hiệu quả của chính phủ, (4) chất lượng điều tiết (bao gồm các chỉ số về tư nhân hóa và mở cửa thị trường), (5) tính thượng tôn pháp luật, và (6) kiểm soát tham nhũng.

Trung Quốc tiếp tục có kết quả kém trên hầu hết các chỉ số này, đứng gần hoặc dưới 50% các quốc gia được đánh giá, trong khi vẫn là một trong số các quốc gia có tỉ lệ tăng trưởng thu nhập nhanh nhất thế giới. Các chính thể đầu sỏ theo định hướng tăng trưởng được mô tả trong bài viết này cũng có những kết quả yếu kém nghiêm trọng trên một số khía cạnh trong suốt giai đoạn tăng trưởng nhanh chóng như: nền dân chủ yếu, kiểm soát tham nhũng kém, pháp quyền trong một vài trường hợp không được áp dụng cho giới đầu sỏ, và những quy định điều tiết đi chệch với phương pháp chính thống (không thể nói những yếu kém này nghiêm trọng đến mức nào bởi các chỉ số quản trị không có sẵn cho các giai đoạn lịch sử trước đây). Các quốc gia này trong một số trường hợp có ổn định chính trị (Nhật Bản) hay bất ổn chính trị (Hàn Quốc). Một khía cạnh của chất lượng quản trị mà các nước này (và Trung quốc hiện nay) có thể coi là đạt kết quả tương đối tốt là hiệu quả của chính phủ: bộ máy hành chính của chính phủ ở những nước này rất giỏi trong việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các sự lựa chọn chính sách này thường không chính thống, bị ảnh hưởng bởi tham nhũng, và được lựa chọn sử dụng các phương tiện phi dân chủ, làm cho những nước này có nền quản trị kém xét theo hầu hết các định nghĩa.

\* Roger C. Riddell, *Does Foreign Aid Really Work?* (Oxford: Oxford University Press, 2007), p. 374.

\*\* [Http://info.worldbank.org/governance/wgi/index.asp](http://info.worldbank.org/governance/wgi/index.asp).

## Ủng hộ một cách thận trọng

Trong trường hợp độc giả bị thuyết phục bởi những lập luận này và bây giờ có ý định đặt hàng số lượng lớn cho mặt hàng nguyên liệu dẹt của Rwanda (chưa tính tới uy tín thương mại cần thiết), thì cũng cần phải lưu ý một vài vấn đề. Thuyết “âm

mưu phát triển” có một vài vấn đề, đầu tiên là nó có kết quả gần như quá tốt. Người Mỹ hài lòng khi Nhật Bản trở nên giàu có, ngạc nhiên khi đất nước này trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, và hoảng hốt khi các công ty ô tô của Nhật Bản khiến hàng loạt công nhân ở Detroit thất nghiệp. Lặp đi lặp lại thí nghiệm này đòi hỏi tinh thần rộng lượng.

Về một ý nghĩa nào đó thì sự tái thiết của Irắc là cơ hội bị bỏ lỡ. Chiến lược thu mua của Mỹ đã không trúng đích một cách đáng ngạc nhiên. Một tổ chức giám sát được tài trợ bởi George Soros cho thấy rằng trong số 39 hợp đồng tái thiết có trị giá 5 triệu đô la trở lên được trao trong năm 2004 thì chỉ có 2% doanh số đến được tay các công ty của Irắc.<sup>33</sup> Người ta nghi ngờ rằng ý định thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững ở Irắc chưa bao giờ được xem xét nghiêm túc. Thậm chí nếu có, ở thời đại mà năng lực xuất khẩu của Trung Quốc là áp đảo thì ý tưởng phát triển một quốc gia xuất khẩu khác hầu như cũng không được tính tới.

Vấn đề thứ hai đối với thuyết “âm mưu tăng trưởng” là vấn đề mà những người ủng hộ chủ thuyết quản trị tốt thường phàn nàn. Đó là chính thể đầu sỏ tốt thực sự lại là một hình thức quản trị kém. Chính thể đầu sỏ của Nhật Bản đã giúp đất nước họ giàu có một cách ngoạn mục nhưng không nên nhầm lẫn sự tư lợi chung với lòng quảng đại. Trong nhiều thập kỉ, chỉ có những người quan tâm đến sự tăng trưởng nhanh chóng mới được tham gia vào việc hoạch định chính sách. Môi trường tự nhiên của Nhật Bản là một nạn nhân nhưng không phải là duy nhất của chương trình công nghiệp hóa không giới hạn của nước này. Khi một đất nước trở nên giàu có, chính thể đầu sỏ của nó sẽ không biến mất. Cho đến ngày nay, các chính trị gia Nhật Bản vẫn đang đấu tranh giành quyền kiểm soát việc hoạch định chính sách khỏi tay các doanh nghiệp vốn có lợi ích ngày càng mâu thuẫn với lợi ích của dân chúng Nhật Bản nói chung.

Tuy nhiên, một số quốc gia quá nghèo hoặc có tầm quan trọng chiến lược quá lớn đến mức việc khuyến khích tăng trưởng thu nhập nhanh chóng có thể nói là chính đáng. Đối với những nước này, việc lật đổ chủ thuyết quản trị tốt là một cơ hội cho cách tư duy mới. Ở một số nước, cần triển khai chương trình hỗ trợ phát triển giúp xây dựng một chính thể đầu sỏ định hướng tăng trưởng – và chấp nhận một số ảnh hưởng phụ không thể tránh khỏi. Ở những nước này chúng ta nên khuyến khích các “âm mưu tăng trưởng”.

----

---

<sup>33</sup> ‘Disorder, Negligence and Mismanagement: How the CPA Handled Iraq Reconstruction Funds’, Revenue Watch, Report No. 7, September 2004, [www.iraqrevenuewatch.org/reports/092404.pdf](http://www.iraqrevenuewatch.org/reports/092404.pdf).



## GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng ý của độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.

- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [ngnhiencuuquocte@gmail.com](mailto:ngnhiencuuquocte@gmail.com).

### Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngnhiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>. Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngnhiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngnhiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngnhiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngnhiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

### Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

**Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).